

THÔNG BÁO

Về việc tổ chức xét tặng Giải thưởng “Sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Trường” và tuyển chọn 02 đề tài gửi tham gia xét tặng Giải thưởng “Tài năng khoa học trẻ Việt Nam” dành cho sinh viên năm 2014

Căn cứ Thông tư số 19/2012/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3588/QĐ-BGDĐT ngày 11 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thẻ lệ Giải thưởng “Tài năng khoa học trẻ Việt Nam” dành cho sinh viên trong các trường đại học, học viện;

Căn cứ Công văn số 1662/BGDĐT-KHCNMT ngày 02 tháng 4 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định số đề tài gửi tham gia xét Giải thưởng “Tài năng khoa học trẻ Việt Nam” dành cho sinh viên năm 2014.

Nhà trường thông báo về việc tổ chức xét tặng Giải thưởng “Sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Trường” và tuyển chọn 02 đề tài gửi tham gia xét tặng Giải thưởng “Tài năng khoa học trẻ Việt Nam” dành cho sinh viên năm 2014 như sau:

1. Đề tài gửi tham gia xét tặng Giải thưởng “Sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Trường” là các đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên thực hiện trong năm học 2013 - 2014 đã được Hội đồng nghiệm thu đánh giá từ loại tốt trở lên.

2. Trường đơn vị hướng dẫn chủ nhiệm đề tài tham gia xét tặng Giải thưởng “Sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Trường” lập 05 bộ hồ sơ *(theo phụ lục đính kèm)* và gửi về Phòng Nghiên cứu khoa học trước ngày 10 tháng 6 năm 2014.

3. Nhà trường sẽ thành lập Hội đồng đánh giá xét tặng Giải thưởng “Sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Trường”. Từ đó, Nhà trường tuyển chọn 02 đề tài gửi tham gia xét tặng Giải thưởng “Tài năng khoa học trẻ Việt Nam” dành cho sinh viên năm 2014 trước ngày 27 tháng 6 năm 2014.

Nhà trường đề nghị các Trường đơn vị triển khai thực hiện theo tinh thần thông báo này./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Trường (để chỉ đạo);
- Các đơn vị trong Trường (để thực hiện)
- Lưu: VT, NCKH (Trung).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

Phạm Minh Giản

Phụ lục
BÁO CÁO TỔNG KẾT
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN VÀ CÁC BIỂU MẪU XÉT
GIẢI THƯỞNG "SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP TRƯỜNG"

I. Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên

1. Báo cáo tổng kết đề tài là cơ sở để hội đồng đánh giá kết quả thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên. Báo cáo tổng kết phải phản ánh đầy đủ nội dung, kết quả thực hiện đề tài và phải được đóng thành quyển.

2. Hình thức của báo cáo tổng kết đề tài

2.1. Khổ giấy A4 (210 x 297 mm); đóng bìa mica.

2.2. Số trang tối đa là 80 trang (*không tính mục lục, tài liệu tham khảo và phụ lục*); phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 13; paragraph 1,3 - 1,5 line; lề trái 3 cm; lề trên, lề dưới, lề phải 2 cm.

2.3. Số thứ tự của trang ở chính giữa trang, phía trên.

2.4. Tài liệu tham khảo và phụ lục (*nếu có*): tối đa là 50 trang; Tên các tác giả nước ngoài nêu trong báo cáo tổng kết phải viết theo đúng tiếng nước đó.

2.5. Không gạch dưới các từ, câu trong báo cáo tổng kết; không viết lời cảm ơn và không được ký tên.

2.6. Báo cáo tổng kết nếu được viết bằng tiếng nước ngoài thì yêu cầu phải có bản dịch ra Tiếng Việt.

3. Báo cáo tổng kết đề tài được trình bày theo trình tự sau:

3.1. Bìa báo cáo

a) Trang bìa chính (mẫu 1).

b) Trang bìa phụ (mẫu 2).

3.2. Mục lục.

3.3. Danh mục bảng biểu.

3.4. Danh mục những từ viết tắt (xếp theo thứ tự bảng chữ cái).

3.5. Thông tin kết quả nghiên cứu của đề tài (mẫu 3).

3.6. Mở đầu: Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực đề tài; lý do lựa chọn đề tài; mục tiêu đề tài; phương pháp nghiên cứu; đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

3.7. Kết quả nghiên cứu và phân tích (bàn luận) kết quả: Trình bày thành các chương 1, 2, 3,...; nêu các kết quả nghiên cứu đạt được và đánh giá về các kết quả này.

3.8. Kết luận và kiến nghị:

a) Phần kết luận: Kết luận về các nội dung nghiên cứu đã thực hiện. Đánh giá những đóng góp mới của đề tài và khả năng ứng dụng của kết quả nghiên cứu.

b) Phần kiến nghị: Các đề xuất được rút ra từ kết quả nghiên cứu. Đề xuất về các nghiên cứu tiếp theo; các biện pháp cần thiết để có thể ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn đời sống và sản xuất; các kiến nghị về cơ chế, chính sách.

3.9. Tài liệu tham khảo: Tài liệu tham khảo là danh mục sách, báo, tài liệu các loại được sử dụng để tham khảo trong quá trình nghiên cứu. Cần sắp xếp các nguồn tài liệu và các sách xuất bản đã tham khảo để tiến hành đề tài, thông thường được trình bày theo thứ tự: họ và tên tác giả, nhan đề, các yếu tố về xuất bản. Các văn bản được xếp theo trình tự: văn bản pháp qui; sách, báo, tạp chí; bài viết của các tác giả...; trong mỗi loại được xếp theo thứ tự bảng chữ cái.

3.10. Phụ lục (nếu có) bao gồm các bảng biểu, sơ đồ, hình vẽ, bảng liệt kê các tư liệu... để minh họa cho báo cáo tổng kết đề tài.

3.11. Biên bản họp Hội đồng đánh giá nghiệm thu và 02 bản nhận xét của 02 phản biện.

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**

BÁO CÁO TỔNG KẾT

**ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC THAM GIA XÉT GIẢI THƯỞNG
"SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP TRƯỜNG" NĂM 2014**

<TÊN ĐỀ TÀI>

Thuộc nhóm ngành khoa học (xác định chính xác nhóm ngành để xét giải):

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**

BÁO CÁO TỔNG KẾT

**ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC THAM GIA XÉT GIẢI THƯỞNG
"SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP TRƯỜNG" NĂM 2014**

<TÊN ĐỀ TÀI>

Thuộc nhóm ngành khoa học:

Sinh viên thực hiện: <họ và tên sinh viên> Nam, Nữ:

Dân tộc:

Lớp, khoa: Năm thứ: /Số năm đào tạo:

Ngành học:

(Ghi rõ họ và tên sinh viên chịu trách nhiệm chính thực hiện đề tài)

Người hướng dẫn: <Chức danh khoa học, học vị, họ tên của người hướng dẫn>

Mẫu 3. Thông tin kết quả nghiên cứu của đề tài

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI

1. Thông tin chung:

- Tên đề tài:

- Sinh viên thực hiện:

- Lớp: Khoa: Năm thứ: Số năm đào tạo:

- Người hướng dẫn:

2. Mục tiêu đề tài:

3. Tính mới và sáng tạo:

4. Kết quả nghiên cứu:

5. Đóng góp về mặt kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo, an ninh, quốc phòng và khả năng áp dụng của đề tài:

6. Công bố khoa học của sinh viên từ kết quả nghiên cứu của đề tài (*ghi rõ họ tên tác giả, nhan đề và các yếu tố về xuất bản nếu có*) hoặc nhận xét, đánh giá của cơ sở đã áp dụng các kết quả nghiên cứu (*nếu có*):

Ngày tháng năm
Sinh viên chịu trách nhiệm chính
thực hiện đề tài
(*ký, họ và tên*)

Nhận xét của người hướng dẫn về những đóng góp khoa học của sinh viên thực hiện đề tài (*phần này do người hướng dẫn ghi*):

Xác nhận của đơn vị
(*ký, họ và tên*)

Ngày tháng năm
Người hướng dẫn
(*ký, họ và tên*)

II. Lĩnh vực khoa học và công nghệ của Giải thưởng

Giải thưởng được xét và trao cho các đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên thuộc 12 nhóm ngành sau:

1. Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ 1 (KT1)

a) *Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử*: Kỹ thuật điện và điện tử; người máy và điều khiển tự động; tự động hóa (CAD/CAM,...); cơ điện tử, hệ vi cơ điện tử (MEMS),...; kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử khác.

b) *Kỹ thuật cơ khí, chế tạo máy*: Kỹ thuật cơ khí, chế tạo máy nói chung; chế tạo máy công cụ; chế tạo máy động lực; kỹ thuật cơ khí và chế tạo ô tô và các phương tiện giao thông, máy nông nghiệp, máy thủy lợi, máy xây dựng, thiết bị năng lượng, thiết bị khai khoáng; kỹ thuật và công nghệ hàng không, vũ trụ; kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân; kỹ thuật và công nghệ âm thanh; kỹ thuật cơ khí tàu thủy; kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy khác.

c) *Kỹ thuật vật liệu và luyện kim*: Kỹ thuật nhiệt trong luyện kim, kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim đen, kim loại và hợp kim màu; luyện kim bột; cán kim loại, kéo kim loại, sản xuất sản phẩm kim loại, sản xuất ống kim loại,...; luyện các chất bán dẫn; vật liệu xây dựng; vật liệu điện tử; vật liệu kim loại; gốm; màng mỏng, vật liệu sơn, vật liệu phủ; vật liệu composite; gỗ, giấy, bột giấy; vải, gồm cả sợi, màu và thuốc nhuộm tổng hợp; vật liệu tiên tiến; kỹ thuật vật liệu và luyện kim khác.

2. Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ 2 (KT2)

Kỹ thuật dân dụng: Kỹ thuật kiến trúc, kỹ thuật xây dựng, kỹ thuật kết cấu và đô thị, kỹ thuật giao thông vận tải, kỹ thuật thủy lợi, kỹ thuật địa chất công trình, kỹ thuật dân dụng khác.

3. Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ 3 (KT3)

a) Truyền thông và mạng máy tính, kỹ thuật phần mềm, hệ thống thông tin.

b) Các hệ thống điều khiển, giám sát, công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),...

c) Công nghệ thông tin và viễn thông; an toàn và an ninh thông tin.

d) Phần cứng và kiến trúc máy tính.

đ) Kỹ thuật thông tin khác.

4. Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ 4 (KT4)

a) *Kỹ thuật hóa học*: Sản xuất hóa học công nghệ nói chung, kỹ thuật quá trình hóa học nói chung, kỹ thuật hóa dược, kỹ thuật hóa vô cơ, kỹ thuật hóa hữu cơ, kỹ thuật hóa dầu, kỹ thuật hóa học khác.

b) *Kỹ thuật y học*: Kỹ thuật và thiết bị y học, kỹ thuật phân tích mẫu bệnh phẩm, kỹ thuật phân tích mẫu thuốc.

c) *Kỹ thuật môi trường*: Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật; kỹ thuật dầu khí; kỹ thuật năng lượng và nhiên liệu không phải dầu khí; viễn thám; khai thác mỏ và xử lý khoáng chất; kỹ thuật hàng hải, đóng tàu biển; kỹ thuật đại dương; kỹ thuật bờ biển; kỹ thuật môi trường khác.

d) *Công nghệ sinh học môi trường*: Công nghệ sinh học môi trường nói chung; xử lý môi trường bằng phương pháp sinh học, các công nghệ sinh học chẩn đoán (chip ADN và thiết bị cảm biến sinh học); đạo đức học trong công nghệ sinh học môi trường; công nghệ sinh học môi trường khác.

đ) *Công nghệ sinh học công nghiệp*: Các công nghệ xử lý sinh học, xúc tác sinh học, lên men; các công nghệ sản phẩm sinh học, vật liệu sinh học, chất dẻo sinh học, nhiên liệu sinh học, các hóa chất được chiết tách từ sinh học, các vật liệu mới có nguồn gốc sinh học; Công nghệ sinh học công nghiệp khác.

e) *Công nghệ nano*: Các vật liệu nano; các quy trình nano; công nghệ nano khác.

g) *Kỹ thuật thực phẩm và đồ uống*: Kỹ thuật thực phẩm; kỹ thuật đồ uống; kỹ thuật thực phẩm và đồ uống khác.

h) *Kỹ thuật và công nghệ khác*.

5. Kinh tế và Kinh doanh 1 (KD1): Kinh tế tài chính; kinh tế ngân hàng; kinh tế bảo hiểm; kế toán; kiểm toán.

6. Kinh tế và Kinh doanh 2 (KD2): Kinh tế học; kinh doanh và quản lý; kinh tế ngành; kinh tế chính trị; luật kinh tế và kinh tế khác.

7. Khoa học Xã hội (XH)

a) *Tâm lý học*: Tâm lý học nói chung; tâm lý học chuyên ngành (các vấn đề về tâm lý giáo dục xếp vào nhóm ngành GD); tâm lý học khác.

b) *Xã hội học*: Xã hội học nói chung; nhân khẩu học; nhân chủng học; dân tộc học; xã hội học chuyên đề, khoa học về giới và phụ nữ, các vấn đề xã hội nghiên cứu gia đình và xã hội, công tác xã hội; xã hội học khác.

c) *Pháp luật*: Luật học, tội phạm học, hình phạt học, các vấn đề pháp luật khác.

d) *Khoa học chính trị*: Chính trị học; hành chính công và quản lý hành chính; lý thuyết tổ chức, hệ thống chính trị, lý luận chính trị; khoa học chính trị khác.

đ) *Địa lý kinh tế và xã hội*: Khoa học môi trường - các khía cạnh xã hội; địa lý kinh tế và văn hóa; nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị; quy hoạch giao thông và các khía cạnh xã hội của giao thông vận tải; địa lý kinh tế và xã hội khác.

e) *Thông tin đại chúng và truyền thông*: Báo chí; thông tin học (khoa học thông tin - các khía cạnh xã hội); khoa học thư viện; thông tin đại chúng và truyền thông văn hóa - xã hội; thông tin đại chúng và truyền thông khác.

g) *Khoa học xã hội khác.*

8. Khoa học Nhân văn (NV)

a) *Lịch sử và khảo cổ học:* Lịch sử Việt Nam; lịch sử thế giới, lịch sử từng nước, từng vùng, từng khu vực; khảo cổ học và tiền sử; các vấn đề lịch sử và khảo cổ học khác.

b) *Ngôn ngữ và văn học:* Nghiên cứu chung về ngôn ngữ; nghiên cứu ngôn ngữ Việt Nam và ngôn ngữ khác; lý luận văn học, nghiên cứu văn học nói chung; nghiên cứu văn học Việt Nam; nghiên cứu văn học từng dân tộc, từng nước, khu vực khác; lý luận văn hóa, nghiên cứu văn hóa nói chung; nghiên cứu văn hóa Việt Nam; nghiên cứu văn hóa từng dân tộc, từng nước, khu vực khác; ngôn ngữ học ứng dụng; nghiên cứu ngôn ngữ và văn hóa khác.

c) *Triết học, đạo đức học và tôn giáo:* Triết học; lịch sử triết học; đạo đức học; thần học; nghiên cứu tôn giáo; các vấn đề của triết học và tôn giáo khác.

d) *Nghệ thuật:* Nghệ thuật và lịch sử nghệ thuật; mỹ thuật; nghệ thuật kiến trúc; nghệ thuật trình diễn; nghệ thuật dân gian; nghệ thuật điện ảnh; nghệ thuật truyền thanh - truyền hình; các vấn đề nghiên cứu nghệ thuật khác.

đ) *Khoa học nhân văn khác.*

9. Khoa học Giáo dục (GD): Giáo dục học; quản lý giáo dục; phương pháp giảng dạy các môn học; nội dung và chương trình các môn học; thiết bị dạy học; tâm lý giáo dục; giáo dục chuyên biệt; các vấn đề khoa học giáo dục khác.

10. Khoa học Tự nhiên (TN)

a) *Toán học và thống kê:* Toán học cơ bản; toán học ứng dụng; thống kê.

b) *Khoa học máy tính và thông tin:* Khoa học máy tính; khoa học thông tin; sinh tin học; khoa học máy tính và khoa học thông tin khác (các vấn đề phát triển phần cứng xếp vào nhóm ngành KT3; các khía cạnh xã hội của khoa học tính toán và thông tin xếp vào nhóm ngành XH).

c) *Vật lý:* Vật lý nguyên tử, vật lý phân tử và vật lý hóa học; vật lý các chất cô đặc; vật lý hạt và trường; vật lý hạt nhân; vật lý plasma và chất lỏng; quang học; âm học; thiên văn học; khoa học vũ trụ; khoa học vật lý khác.

d) *Hóa học:* Hóa hữu cơ; hóa vô cơ và hạt nhân; hóa lý; hóa học cao phân tử (polyme); điện hóa; hóa keo; hóa phân tích; khoa học hóa học khác.

đ) *Sinh học:* Sinh học lý thuyết; tế bào học, mô - phôi học; vi sinh vật học; vi rút học; hóa sinh, phương pháp nghiên cứu hóa sinh; sinh học phân tử; nấm học; lý sinh; di truyền học; sinh học sinh sản; thực vật học; động vật học; sinh học biển và nước ngọt; sinh thái học; đa dạng sinh học; công nghệ sinh học; khoa học sinh học khác.

e) *Các khoa học trái đất và môi trường liên quan:* Địa chất học; khoáng vật học; cổ sinh học; địa vật lý; địa hóa học; địa lý tự nhiên; núi lửa học; trắc địa học và bản đồ học; các khoa học môi trường (các khía cạnh xã hội của khoa

học môi trường xếp vào nhóm ngành XH); khí tượng học và các khoa học khí quyển; khí hậu học; hải dương học; thủy văn, tài nguyên nước; khoa học trái đất và khoa học môi trường liên quan khác.

g) *Khoa học tự nhiên khác.*

11. Khoa học Nông nghiệp (NN):

a) *Trồng trọt:* Nông hóa; thổ nhưỡng học; cây lương thực và cây thực phẩm; cây rau, cây hoa và cây ăn quả; cây công nghiệp và cây thuốc; bảo vệ thực vật; bảo quản và chế biến nông sản; khoa học công nghệ trồng trọt khác.

b) *Chăn nuôi:* Sinh lý và hóa sinh động vật nuôi; di truyền và nhân giống động vật nuôi; thức ăn và dinh dưỡng cho động vật nuôi; nuôi dưỡng động vật nuôi; bảo vệ động vật nuôi; sinh trưởng và phát triển của động vật nuôi; khoa học công nghệ chăn nuôi khác.

c) *Thú y:* Y học thú y; gây mê và điều trị tích cực thú y; dịch tễ học thú y; miễn dịch học thú y; giải phẫu học và sinh lý học thú y; bệnh học thú y; vi sinh vật học thú y, ký sinh trùng học thú y; sinh học phóng xạ và chụp ảnh; vi rút học thú y; phẫu thuật thú y, dược học thú y; khoa học công nghệ thú y khác.

d) *Lâm nghiệp:* Lâm sinh; tài nguyên rừng; quản lý và bảo vệ rừng; sinh thái và môi trường rừng; giống cây rừng; nông lâm kết hợp; bảo quản và chế biến lâm sản; khoa học công nghệ lâm nghiệp khác.

đ) *Thủy sản:* Sinh lý và dinh dưỡng thủy sản; di truyền học và nhân giống thủy sản; bệnh học thủy sản; nuôi trồng thủy sản; hệ sinh thái và đánh giá nguồn lợi thủy sản; quản lý và khai thác thủy sản; bảo quản và chế biến thủy sản; khoa học công nghệ thủy sản khác.

e) *Công nghệ sinh học trong nông nghiệp:* Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi), nhân dòng vật nuôi; các công nghệ tế bào trong nông nghiệp; các công nghệ enzym và protein trong nông nghiệp; đạo đức học trong công nghệ sinh học nông nghiệp; công nghệ sinh học trong nông nghiệp khác.

g) *Khoa học nông nghiệp khác.*

12. Khoa học Y, Dược (YD): Y học cơ sở; y học lâm sàng; y tế; kỹ thuật chẩn đoán bệnh; dược học; công nghệ sinh học trong y học; y học thể dục thể thao; khoa học y dược khác.